

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/11/2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Lý Bích Khiếm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Ngọc Cận

2. Ông Hà Văn Châu

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 46A đường tỉnh lộ 932, ấp AT, thị trấn KS, huyện KS, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khánh T**, Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh Trang – thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số 05 đường P, khóm H, phường C, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Võ Ngọc Q**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 76/13 đường MTT, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh S.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/11/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, chứng cứ có trong hồ sơ như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8 vào ngày 14/4/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 6/2018 bà và ông Q không chung sống với nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q có hai người con tên Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc Q.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu nuôi hai con Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/11/2019: Bà H yêu cầu nuôi con Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 còn Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005 đồng ý giao cho ông Võ Ngọc Q nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Đối với bị đơn Võ Ngọc Q: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Võ Ngọc Q theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Q cũng đã nhận được các văn bản mà Tòa án đã tổng đạt nhưng ông không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

- Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Nguyễn Khánh T: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8 vào ngày 14/4/2003, trong thời gian chung sống bà H và ông Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau, từ tháng 6/2018 bà và ông Q không chung sống với nhau.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q có hai người con tên Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 và Võ Thị Mỹ T,

sinh ngày 25/9/2005.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc Q.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu nuôi con Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 còn Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005 đồng ý giao cho ông Võ Ngọc Q nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

-Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và tham khảo ý kiến tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Sóc Trăng và phòng lao động thương binh và xã hội thành phố Sóc Trăng về nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q, nhưng các cơ quan không nắm rõ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên bị đơn ông Võ Ngọc Q không thực hiện đúng theo quy định và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Võ Ngọc Q được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Võ Ngọc Q vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Võ Ngọc Q.

[2] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/11/2019: Bà H thay đổi về con chung bà yêu cầu nuôi con Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 còn Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005 đồng ý giao cho ông Võ Ngọc Q nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### Về nội dung:

[3] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Sóc Trăng vào ngày 14/4/2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Q. Vì bà và ông Q thường xuyên cãi nhau, bất hòa và tính tình không phù hợp nên bà và ông Q không chung sống với nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay bà H kiên quyết ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống. Nên mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q có hai người con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005, hiện nay cháu Võ Thị Mỹ T, cháu Võ Minh T đang sống với ông Q. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà H yêu cầu được nuôi con Võ Minh T còn Võ Thị Mỹ T đồng ý giao cho ông Võ Ngọc Q nuôi dưỡng. Xét thấy việc bà H yêu cầu nuôi con Võ Minh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên giao cháu Võ Minh T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định; Đối với con chung Võ Thị Mỹ T hiện nay đang sống với ông Q và cháu T có nguyện vọng được sống với ông Q nên xét tiếp tục giao cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005 cho ông Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 cho bà H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được quyền ly hôn với ông Võ Ngọc Q.

2/ Về con chung:

- Giao con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 22/12/2003 cho bà Nguyễn Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con chung tên Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 25/9/2005 cho ông Võ Ngọc Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007636 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân

nơi cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố ST;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự thành phố ST;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
đã ký

**Lý Bích Khiêm**

